

CHẾ LAN VIÊN
(1920 - 1989)



Chế Lan Viên tên thật Phan Ngọc Hoan, sinh tại Cam Lộ, Quảng Trị. Lên 7 tuổi, cả nhà chuyển vào Bình Định, nên ông dùng các bút danh Mai Lĩnh, Thạch Hãn, Thạch Mai. Năm 17 tuổi, Chế Lan Viên đã nổi tiếng với tác phẩm Điêu tàn. Năm 1949, ông ra Hà Nội học, rồi vào Sài Gòn làm báo, lại về Huế dạy học. Khoảng 1942, ông ra tập văn Vàng sao, viết tập truyện ngắn Gai lửa. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông làm báo Quyết thắng. Nhiều năm ông tham gia ban lãnh đạo Hội Nhà văn Việt Nam, Đại biểu Quốc Hội các khoá 4,5,6,7.

Ông có vợ là nhà văn Vũ Thị Thường, và con gái là nhà văn Phan Thị Vàng Anh.

Tác phẩm tiêu biểu:

Tập thơ:

- *Điều tàn* (1937)
- *Gửi các anh* (1955)
- *Ánh sáng và Phù sa* (1960)
- *Hoa ngày thường, Chim báo bão* (1967)
- *Những bài thơ đánh giặc* (1972)
- *Đối thoại mới* (1973)
- *Hái theo mùa* (1977)
- *Hoa trên đá* (1984)

Truyện ký:

- *Thăm Trung Quốc* (1963)
- *Những ngày nổi giận* (1967)
- *Giờ của số thành* (1967)

Viết phê bình:

- *Phê bình văn học* (1962)
- *Suy nghĩ và bình luận* (1970)
- *Bay theo đường dân tộc đang bay* (1976)
- *Từ gác Khuê văn đến quán Trung Tân* (1980)
- *Nghĩ cạnh dòng thơ* (1982)

Nhà thơ Chế Lan Viên được giới văn học Việt Nam đánh giá là một trong những cây bút lớn và có ảnh hưởng sâu sắc nhất của thế kỷ XX. Với hơn 50 năm cầm bút, ông để lại một di sản đồ sộ gồm thơ, văn xuôi, tiểu luận và phê bình văn học.

Đánh giá từ giới văn học

- Giáo sư Phong Lê, nguyên Viện trưởng Viện Văn học, nhận định Chế Lan Viên là người "tiếp nối và khơi sâu" các giá trị văn học truyền thống, đặc biệt là từ Nguyễn Du, với những sáng tác mang chiều sâu tư tưởng và triết lý.
- Nhà thơ Hữu Thỉnh cho rằng Chế Lan Viên là một hiện tượng độc đáo trong thi ca Việt Nam. Ông nhấn mạnh rằng khi các nhà thơ khác viết về cái còn, Chế Lan Viên viết về cái mất; khi họ viết về hiện tại, ông viết về quá khứ. Thơ của ông mang vẻ đẹp âm tính, đem đến sự hài hòa của vũ trụ trong sự tròn đầy của chính nó.
- Nhà phê bình Hoài Thanh từng mô tả Chế Lan Viên là một cá tính thơ "kỳ dị" trong phong trào Thơ mới, với phong cách thoát ly thực tại và mang màu sắc siêu hình, huyền bí.

Chế Lan Viên bắt đầu sự nghiệp với tập thơ *Điều tàn* (1937), nổi bật với hình ảnh tháp Chàm đổ nát và nỗi hoài cổ về một vương quốc đã mất. Sau Cách mạng Tháng Tám, thơ ông chuyển sang phản ánh hiện thực cách mạng và đời sống nhân dân, với phong cách chính luận, sử thi và giàu tính triết lý.

Ông còn là một nhà phê bình văn học sắc sảo, thường xuyên tranh luận và không ngần ngại phê phán những quan điểm mà ông cho là lệch lạc. Tuy nhiên, ông cũng được biết đến là người đa cảm, dễ xúc động và sẵn lòng tha thứ.

Chế Lan Viên được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 1996. Thơ ông vẫn được giảng dạy trong chương trình giáo dục và tiếp tục ảnh hưởng đến nhiều thế hệ nhà thơ và độc giả Việt Nam.

Sau đây là 50 bài thơ được yêu thích của ông, kèm theo bản dịch tiếng Pháp và tiếng Anh:

CHUYẾN XE

Chuyến xe sau không còn anh nữa
Xe vẫn chạy nghìn đời chỉ vắng anh thôi
Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... từng đi chuyến trước,
Những chuyến xe không có khứ hồi.

LE VOYAGE

Le prochain car partira sans toi,
Il roulera toujours — sans ta voix.
Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... ont pris ce trajet,
Un voyage sans retour,
Sans arrêt.

THE JOURNEY

The next bus rolls on—without your face,
It drives forever, missing just your place.
Nguyễn Trãi, Nguyễn Du once rode that line,
A one-way journey,
Beyond all time.

VƯỜN MẸ

Vườn mẹ xe ủi sạch
Lối về bom với mìn
Đứng xa nhìn kỉ niệm
Ban mai sau hoàng hôn.

LE JARDIN DE MÈRE

Le jardin de mère, rasé par les machines,
Le sentier piégé de bombes et de mines.
De loin, je contemple les souvenirs perdus :
L'aube après le crépuscule,
Dans ce lieu défendu.

MOTHER'S GARDEN

Mother's garden—leveled by the blade,
The path home strewn with bombs they laid.
From afar, I gaze at memories torn—
Where dusk has passed,
Yet dawn is born.

CON THUYỀN

Rồi tác phẩm rời anh như con thuyền rời bến
Sống cuộc đời riêng, anh không dự kiến
Nó trôi đến các thời gian xa, những năm tháng mơ hồ
Với ngọn gió anh thổi vào buồm trang giấy lúc xa bờ.
Cũng có thể gió bão đánh con thuyền anh chìm lỉm
Hay nó đến những đảo hồng ở đó chín những mùa thơ
Cũng có thể quanh thuyền bay hải âu và chim én
Và cũng có thể thuyền tan theo bọt biển...
Nhưng từ đây bổ sung anh, đối lập anh, tác phẩm sống riêng mình
May ra người ta tìm ở đây thuyền, hạt gạo, nó là anh.

LE BATEAU

Puis l'œuvre quitta tes mains, comme un bateau le quai,
Pour vivre sa propre vie, bien loin de ton secret.
Elle dériva vers des temps flous, des années oubliées,
Poussée par le vent que tu soufflas dans ses voiles de papier.

Peut-être la tempête l'engloutit sans retour,
Ou bien elle aborda des îles roses, pleines d'amour,
Où mûrissent les saisons poétiques au détour.
Peut-être les goélands tournent autour,
Ou peut-être le navire s'efface dans l'écume des jours...

Mais depuis ce départ, elle te prolonge et te défie :
L'œuvre vit sa propre vie.
Et peut-être, au fond de sa cale un passant trouvera,
Un grain de riz,
C'était toi, là.

THE BOAT

Then the work left your hands, like a boat from the quay,
To live its own life, drifting far, far away.
It sailed through vague years, to time's distant shore,
With the wind you had breathed in its paper sail before.

Perhaps a storm dragged your boat down deep,
Or it reached pink isles where poems sleep,
Where seasons of verse in silence grow—
Perhaps seabirds circle, or swallows dart low,
Or perhaps it dissolved in the seafoam's flow...

Yet from that moment, it stands apart,
It challenges you, yet bears your heart.
And maybe someone, digging deep in its hull,
Will find a grain of rice—
That was you, after all.

CÀNH HOA NHỎ

Chỉ một nhành hoa.
Tôi sửng sò:
Đất này xưa giặc chiếm, không hoa
Tôi vui lòng đổi trăm người khác
Lấy nhánh hồng đây, nở chậm mùa.

PETITE BRANCHE DE FLEUR

Une simple fleur, et je suis bouleversé :
Ce sol, jadis pris par l'ennemi, sans rosée.
Je donnerais cent vies, sans détour,
Pour cette branche rose,
Éclose, hors saison, avec amour.

A SMALL FLOWER BRANCH

Just a single flower—

And I stood still in awe:
This land once knew no bloom, just war.
I'd trade a hundred souls, with grace,
For this late-blossomed rose,
In quiet place.

CHIỀU TIN TƯỜNG

Xoan ngưng tuổi đỏ
Lầu cây bước vàng
Bóng Hè đã ngã
Bên đường Thu sang
Cánh đàn mỗi gió
Thuyền chim rộn ràng
Tường nhà ai đó
Cửa ngơ ngẩn buồn
Trên lòng bé nhỏ
Một trời mây sang
Giọt đồng tan vỡ
Dư thanh ngõ ngang
Có ai thương nhớ
Trong miền vương sương
Thấp như hơi thở
(Màn buông nhẹ nhàng)
Bây giờ gục ngã
Những hình mền thương
Xin đưa thánh giá
Về trong hồn buồn
Đêm đà bỏ ngõ
Rưng rưng sao vàng
Lòng tầm khôn gờ
Nỗi niềm vẩn vương.

SOIR DE FOI

Le margoussier cesse au ruisseau rougeoyant,
L'escalier d'arbre foule l'or couchant.
L'ombre d'été s'est penchée, lentement,
Sur le chemin où l'automne s'élance.
Les ailes tissent les nœuds du vent,
Des barques d'oiseaux s'éveillent gaiement.
Le mur d'une maison inconnue,
La porte s'égare en tristesse émue.
Sur un cœur minuscule et frémissant,

Passe un ciel de nuages flottants.
Une goutte de bronze s'effondre,
Un écho de stupeur qui vagabonde.
Quelqu'un se souvient-il,
Dans le brouillard subtil ?
Si bas qu'un souffle le devine
(d'un voile tombant, fine bruine)
Voici qu'abattues
Les images chéries se sont tues.
Qu'on porte la croix bénie
Dans cette âme engourdie.
La nuit s'avance, incertaine encore,
Des étoiles d'or pleurent à l'aurore.
Et le cœur du ver à soie, prisonnier,
Ne peut dénouer son chagrin enlacé.

EVENING OF FAITH

The Chinaberry tree halts its crimson stream,
Gold footsteps trace the treehouse dream.
Summer's shadow bends and dies,
On paths where autumn softly flies.
Wings weave whispers through the breeze,
Bird-boats flutter in quiet seas.
A wall—perhaps a stranger's home,
Its door stands still, with sorrow alone.
Upon a tender, tiny heart,
Drifts a sky of clouds apart.
A drop of bronze in silence breaks,
Its echo trembling as it wakes.
Does someone dream, or fondly yearn,
Within the mist where memories burn?
So faint—it breathes like sighs at rest
(as curtains fall in tender quest).
Now fall, defeated, once-beloved faces,
Bear the holy cross to solemn places.
Night arrives with unsure eyes,
And golden stars begin to rise.
The silkworm's heart, in threads confined,
Cannot unravel love it's left behind.

XUÂN

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu
Đem chi xuân lại gọi thêm sầu?
- Với tôi, tất cả như vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau!

Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?
Với cửa hoa tươi, muôn cánh rã
Về đây, đem chấn nẻo xuân sang!

Ai biết hồn tôi say mộng ảo
Ý thu góp lại cảnh tình xuân?

Có một người nghèo không biết Tết
Mang lì chiếc áo độ thu tàn!

Có đứa trẻ thơ không biết khóc
Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran!

Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ!
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.

PRINTEMPS

Je n'attends rien, je n'espère rien,
Pourquoi alors, le printemps raviverait-il la peine ?
— Pour moi, tout semble inutile,
Tout n'est que souffrance et douleur.

Qui reviendra à l'automne passé,
Ramasser pour moi les feuilles dorées ?
Avec les fleurs fraîches, mille pétales éparpillés,
Revenez, et fermez la voie du printemps !

Qui sait que mon âme est ivre de rêves,
Les pensées de l'automne empêchant l'amour du printemps ?

Il y a un homme pauvre qui ne connaît pas le Têt,
Portant un manteau de l'automne mourant !

Il y a un enfant qui ne sait pas pleurer,
Inconsciemment éclatant d'un rire joyeux !

Oh ! Comme je me souviens ! Oh, combien je me souviens !

D'un oiseau d'automne perdu à l'horizon.

SPRING

I do not wait, I do not hope,
Why then would spring bring more sorrow?
— To me, everything seems meaningless,
Everything is nothing but suffering and pain.

Who will return to the past autumn,
And pick up for me the golden leaves?
With fresh flowers, a thousand petals scattered,
Come back, and block the path to spring!

Who knows my soul is intoxicated with dreams,
The thoughts of autumn preventing the love for spring?

There is a poor man who does not know Tết,
Wearing the coat of the dying autumn!

There is a child who does not know how to cry,
Unintentionally bursting into a joyful laugh!

Oh! How I long for it! Oh, how I long for it!
A bird of autumn lost at the end of the world.

VƠ VẮN

Có những ngày anh thấy mình là ong
Nhớ hoa, thèm nhụy
Những ngày tâm hồn vang sóng bể
Thèm thủy triều như một cánh hải âu...
Có những ngày thấy mình là bọ dòi giun dế
Ở ngoài mình đang gặm nhấm đầu lâu.
Những lúc ấy lại tiếc mình không còn là chim bể
Không còn là ong hút nhụy
Không còn là người mơ những chuyện không đâu
Trong tỉ tỉ bóng đêm
Được làm người, khoái thế
Vậy mà anh để hồn buồn và vàng trán luôn cau.

DÉRIVE

Il est des jours où je me sens abeille,
En manque de fleurs, en soif de pistil.
Des jours où l'âme résonne comme mer en veille,
Avide de marée, tel un goéland fragile...

Il est des jours où je me sens larve, vermisseau,
Grignotant des crânes dans l'ombre en silence.
Et je regrette alors l'oiseau marin, là-haut,
L'abeille au nectar, les songes en errance.

Parmi des milliards d'ombres sans contour,
Être homme — quel plaisir, quel grand jour !
Et pourtant, je laisse mon âme en peine,
Le front plissé d'un chagrin sans détour.

WANDERING

There are days I feel like a bee,
Longing for flowers, craving the nectar's taste.
Days when my soul echoes like the sea,
Yearning for tides like a seagull in haste...

There are days I feel like a grub, a worm,
Gnawing at skulls in the dark, unseen.
Then I mourn no longer being the bird in a storm,
No longer the bee in the garden green.

Among billions of shadows, deep and wide,
To be human — oh, what a wondrous pride!
And yet I let my spirit drown in gloom,
My furrowed brow fixed in silent doom.

NẮNG MAI

Bóng đêm tan trên đồng xanh vô tận
Nắng trời bay phấp phới bọc muôn cây
Chốn cao xa, trên trán giới không giới hạn
Làn tóc mây đùa rợn bảo nhau bay

Cả vũ trụ biến dần ra ánh sáng
Nước sông Linh hòa lẫn nắng trời tươi
Nắng trời tươi, từng bùng bay tản mạn
Gọi lòng ta bao dấu vết xa xôi

Ta vẫn thấy hồn ta buồn ử rữ
Và cõi lòng dày đặc bóng đêm mờ
Vì, bạn ơi, trong bao tia nắng rỡ
Tia nào đâu rơi tự nước Chàm ta?

SOLEIL DU MATIN

L'ombre se dissipe sur les vastes plaines,
Le soleil voltige et embrasse mille arbres.
Là-haut, là-haut, sur un front sans frontière,
Des cheveux-nuages folâtrent, libres, bavards.

Tout l'univers se fond dans la lumière,
L'eau du fleuve Linh se mêle aux clairs rayons.
Le soleil danse, éclatant, en poussière,
Éveillant en moi des souvenirs profonds.

Pourtant mon âme reste en peine, accablée,
Et dans mon cœur, l'ombre encore s'entasse.
Car, mon ami, parmi tant de feux dorés,
Lequel descend vraiment de mon pays Chàm, hélas ?

MORNING SUNLIGHT

Night's shadow fades across the endless field,
The golden light flutters, wraps each tree in grace.
On high, upon the boundless heaven's brow,
Cloud-hair floats by, in playful, wind-blown chase.

The universe transforms in radiant bloom,
The Linh River flows with morning's glowing rays.
The cheerful sun, scattering light and joy,
Stirs distant echoes from forgotten days.

Yet still my soul remains in quiet gloom,
My heart is heavy with its veiled despair.
For, friend, among these countless rays of gold,
Which one descends from Chàm, our homeland fair?

CHUÔNG

Tôn giáo cuối mùa thu chiến tranh đầy sinh lực
Chuông liên hồi thì làm gì được tiếng bom?
Trời Phật đi một đường, chiến tranh đi một nẻo
Níchxơn đã được hôn tay bởi Đức Giáo hoàng!

CLOCHES

Religion d'une fin d'automne en guerre en pleine vigueur —
Mais que peuvent les cloches contre le fracas des obus ?
Dieu et le ciel prennent un chemin, la guerre un autre,
Et Nixon a reçu le baiser du Pape sur la main !

BELLS

Religion in late autumn, the war still full of might —
But what can bells do against the thunder of shells?
Heaven and God take one path, war takes another,
And Nixon's hand has been kissed by the Pope himself!

NẾU

Nếu trái đất không người không tình ái
Thì cây cũng yêu ở rễ sâu và ở lá chứ gì ?
Nhựa và đường vân cũng là tình sử vậy
Và đá cũng yêu bằng lửa mình giấu giữa đá vô tri.

SI

Si la Terre était sans âme et sans amour,
Les arbres pourtant aimeraient, bien sûr —
Par leurs racines profondes, par leurs feuillages,
La sève, les nervures : histoires d'amour sans âge.

Et même la pierre, froide à l'infini,
Aimerait encore — de ce feu enfoui
Qu'elle cache au cœur de sa nuit,
Dans le silence dur de l'oubli.

IF

If the earth were bare of love and soul,

Still trees would love — in roots below, in leaves above.
The sap, the veins, a tale they softly weave:
A history of love in all they breathe.

And even stone, though cold and mute to see,
Would love — with fire it hides in secrecy,
A silent flame beneath the crusted skin,
Where lifeless rock keeps burning deep within.

MÀU ÁO TÍM

Tiếng bom nổ. Cả phòng lặng phắc
Cốc nước hơi chao rồi thoát lại đầy
Khối thủy tinh không hề rạn nứt
Lời thơ vút cao lên sau một thoáng cau mày.

Chị nhún nhá từng nhịp lời thông thả
Đàn tranh đàn tì trắng muốt bàn tay
Pháo cao xạ bên ngoài đánh trả
Máy bay thù cút thẳng phía chân mây

Áo chị màu hoa cúc dịu êm
Bỗng dựng sắc tím chói bùng lên
Màu hoa mùa áo rồi ta nhớ
Còn tiếng bom thù ta sẽ quên.

LA ROBE VIOLETTE

Une bombe éclata. La salle se figea.
Le verre vibra, puis redevint entier.
Le cristal resta pur, sans une fissure,
Un poème monta, malgré un front plissé.

Elle prononçait chaque vers avec grâce,
Ses mains de jade, sur le tỳ et le tranh.
Les canons grondèrent dans le fracas,
L'avion ennemi fuyait vers le lointain.

Sa robe avait la douceur des chrysanthèmes,
Mais soudain, un violet éclata dans l'arène.
La fleur, la robe, je garderai mémoire —
Et j'oublierai la bombe et son vacarme noir.

THE PURPLE DRESS

The bomb exploded. The room fell still.
The glass cup swayed, then calmly refilled.
The crystal stood whole, untouched by the blast,
While a poem soared from a furrowed brow, steadfast.

She spoke each line with a quiet grace,
Her hands like ivory on the tỳ and tranh's face.
Outside, the flak guns thundered reply,
As enemy planes fled into the sky.

Her dress was the hue of chrysanthemum light,
Till suddenly, purple burst bold into sight.
The flower, the dress—I will always recall,
But the bomb's cruel thunder, I'll let it fall.

NHỮNG SỢI TƠ LÒNG

Tôi không muốn đất trời xoay chuyển nữa
Vội tháng ngày biên biệt đuổi nhau trôi
Xuân đừng về! Hè đừng gieo ánh lửa!
Thu thôi sang! Đông thôi lại náo lòng tôi!

Quả đất chuyển giây lòng tôi rung động
Nổi sầu tư nhuần thấm cõi Hư Vô!
Tháng ngày qua, gạch Chàm đua nhau rụng
Thấp Chàm đua nhau đổ dưới trăng mờ!

Lửa hè đến! Nổi căm hờn vang dậy!
Gió thu sang thấu lạnh cả hồn thơ!
Chiều đông tàn, như mai xuân lộng lẫy
Chỉ nói thêm sầu khổ với ưu tư!

Tạo hoá hỡi! Hãy trả tôi về Chiêm quốc!
Hãy đem tôi xa lánh cõi trần gian!
Muôn cảnh đời chỉ làm tôi chướng mắt!
Muôn vui tươi nhắc mãi về điều tàn!

Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh
Một vì sao trọi cuối trời xa!

Để nơi ấy tháng ngày tôi lẫn tránh
Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo!

LES FILS DU CŒUR

Je ne veux plus que tournent cieux et terres,
Ni que les mois s'enfuient comme des vents.
Que le printemps ne revienne plus sur terre !
L'été, retiens tes feux brûlants d'antan !

Que l'automne n'enlace plus mon âme lasse,
Et que l'hiver cesse ses plaintes sans fin !
La terre tourne — mon cœur vibre et s'enlace
À mille peines bues dans le Néant divin.

Les jours s'effacent, les briques Chàm s'effritent,
Les tours s'effondrent sous la lune qui fuit.
L'été en feu m'apporte haine et cris,
Et l'automne glace mes vers en pleine nuit.

Les soirs d'hiver, comme les matins de fête,
Ne font qu'ajouter tristesse et regrets.
Ô Créateur ! Ramène-moi vers la Cham vraie !
Loin de ce monde qui me fait tourner la tête.

Donne-moi, je t'en prie, un astre de froid pur,
Une étoile orpheline au bout de l'infini,
Où je pourrai fuir les jours trop lourds,
Et tous les chagrins, les douleurs, les soucis.

THE STRINGS OF THE HEART

I wish no more for earth and sky to spin,
For fleeting days to chase in endless flight.
Spring, do not come! Let summer's blaze grow thin!
Let autumn pass, and winter spare my night.

Each earthly turn makes tremble all my soul,
My sorrow drenched in depths of nothingness.
As time flows on, the Chàm bricks lose control,
The towers collapse in moonlight's pale caress.

When summer's fire arrives, my wrath awakes.

Cold autumn winds pierce deep through verse and bone.
And winter's dusk, like springtime's warm daybreaks,
Adds only more grief, and more thoughts alone.

O Nature, bring me back to Chàm's old land!
Take me away from this worldly disguise!
For every joy I see, I cannot stand—
Each cheerful scene but ruins before my eyes.

Grant me, I beg, a lonely frozen star,
Some distant orb at the edge of the sky,
Where time and sorrow can be left afar,
And no more pain, no worry lingers nigh.

HƯƠNG SEN

Anh có cho tôi làm hoa sen không, tôi trong lý lịch có bùn?
Thân phận người mà, ai chả có bùn đen?
Giết chết một mùi hương, dễ thôi, cứ quậy bùn lên để giết
Nhưng vượt lên bùn, sen cứ ngát hương sen.

PARFUM DE LOTUS

Me laisseras-tu être un lotus en fleur, malgré la boue inscrite en mon CV ?
Le destin humain — qui n'a pas sa noirceur, son limon entassé ?
Tuer un parfum ? C'est simple : il suffit d'agiter la vase,
Mais le lotus s'élève — et son parfum embrase.

LOTUS FRAGRANCE

Would you let me be a lotus bloom, though my roots lie in muddy ground?
For human fate—who hasn't known some darkness, some stains unbound?
To kill a scent? Just stir the mire, and fragrance fades away,
Yet lotus rises through the mud—its scent will never stray.

NHỮNG NĂM MƠ

Hãy chôn sâu nụ cười trên môi thắm
Hãy giết đi lời hát đáy hầu người
Đừng tìm nữa, của hoa tươi, sắc thắm

Của muôn chim, tiếng ngọc bạn lòng ơi!

Vì mỗi phút vui tuổi thêm nhắc tới
Những điên cuồng chôn tận đáy hồn mơ
Những sầu muộn trong thành tim u tối
Trong mắt buồn, hình ảnh buổi ngây thơ

Cả Dĩ Vãng là chuỗi mớ vô tận
Cả Tương Lai là chuỗi huyết chưa thành
Và Hiện Tại, biết cùng chăng hỡi bạn
Cũng đương chôn lặng lẽ chuỗi ngày xanh!

Trong nắng hè lá tươi đà đổi sắc
Dệt mùa thu sắp đến. Tựa đời ta
Chuỗi ngày xanh hòa theo nhau phai nhạt
Dệt tấm màn quàng liệm tấm hồn ta!

LES TOMBES

Enterre le sourire aux lèvres vermeilles,
Tue la chanson au fond de ta gorge claire,
Ne cherche plus, ami, la fleur sans pareille,
Ni le doux chant de l'oiseau dans la lumière.

Car chaque joie rappelle au cœur les âges,
Ces folies enfouies sous les rêves perdus,
Ces chagrins lourds enclos dans sombres cages,
Et l'innocence au fond des yeux déçus.

Le Passé n'est qu'un long chapelet de tombes,
Le Futur, des cercueils prêts à se creuser,
Et le Présent – dis-moi, cher cœur qui succombe –
N'enterre-t-il pas nos jours à peine osés ?

Sous l'été, les feuilles vertes se fanent,
Tissant déjà l'automne à l'ombre du destin.
Ainsi la vie, nos jeunes heures se vannent,
Tissant le linceul doux de notre chemin.

THE GRAVES

Bury the smile upon your crimson lips,
Silence the song deep in your tender throat.
Seek not the bloom with petals at their tips,

Nor birds whose crystal notes in springtime float.

For every joy reminds the soul anew
Of mad desires long buried in the deep,
Of sorrows locked where shadows throb and skew,
Of childhood's image lost in eyes that weep.

The Past—a string of graves without an end,
The Future—pits not yet in earth engraved,
And Present—friend, oh can you still pretend
It's not a silent tomb where youth's enslaved?

The summer leaves already lose their green,
Weaving the veil of autumn's breathless sigh.
So fades our life—our days once bright, serene—
To shroud the soul in silence as they die.

THU

Chao ôi! Thu đã tới rồi sao?
Thu trước vừa qua mới độ nào!
Mới độ nào đây, hoa rạn vỡ
Nắng hồng choàng ấp dãy bàng cao

Cũng mới độ nào trong gió lộng
Nến lau bùng sáng núi lau xanh
Bướm vàng nhẹ nhẹ bay ngang bóng
Những khóm tre cao rủ trước thành

Thu đến đây! Chừ, mới nói rằng?
Chừ đây, buồn giận biết sao ngăn?
Tìm cho những cánh hoa đang rụng
Tôi kiếm trong hoa chút sắc tàn!

Tìm cho những nét thơ xanh cũ
Trong những tờ thơ lá vỡ vàng
Ai nhớ tìm môi người quả phụ
Sắc màu hầu nhạt cả tình xuân

Trời ơi! Chán nản đương vầy phủ
Ý tưởng hồn tôi giữa cõi Tang!

AUTOMNE

Ah ! L'automne est déjà là ?
L'automne passé n'était qu'hier !
Hier encore, les fleurs se brisaient,
Le soleil rose couvrait les grands platanes.

Hier encore, dans le vent soufflant,
La lumière des bougies éclairait les montagnes,
Les papillons dorés volaient doucement,
Les haies de bambous se penchaient vers la ville.

L'automne est là ! Maintenant, que dire ?
Maintenant, comment empêcher la tristesse, la colère ?
Je cherche parmi les fleurs tombées,
Dans chaque fleur, une touche de couleur fanée !

Je cherche les vieux vers verts,
Dans les poèmes aux pages jaunes,
Qui osera chercher les lèvres d'une veuve,
Où la couleur s'efface, emportant l'esprit du printemps.

Mon Dieu ! Désespoir qui m'enveloppe,
Mes pensées et mon âme dans un monde funèbre !

AUTUMN

Oh! Has autumn come already?
The last one had just passed, it seems!
Just yesterday, flowers broke in bloom,
And rosy sunlight wrapped tall almond trees.

Just yesterday, in the sweeping winds,
Candle flames lit up reed-covered hills,
Golden butterflies drifted gently past shadows,
Tall bamboo clumps bowed before the citadel.

Autumn is here! But what can I say?
Now—how to still this sorrow, this unrest?
I search among the petals as they fall,
Seeking in each one a trace of fading hue.

I search for old green poetic lines

In verses browned like withering leaves,
Who dares to seek a widow's lips,
Where spring's colors have nearly vanished?

O Heavens! This despair surrounds me—
My thoughts, my soul drowned in the realm of mourning!

NGỦ RỪNG

Rét khuya tràn xuống lũng
Người quắp người lấy hơi
Cởi áo đắp cho súng
Bom đạn ấm hơi người.

DORMIR EN FORÊT

Le froid de la nuit envahit la vallée,
Les corps se replient, cherchant leur souffle.
On retire les manteaux pour couvrir les armes,
Les bombes et les balles sont réchauffées par la chaleur humaine.

SLEEPING IN THE FOREST

The late-night cold pours into the valley,
People curl up, gathering their breath.
Coats are stripped off to cover the guns,
The bombs and bullets warmed by human warmth.

TRỜI ĐÃ LẠNH RỒI

Đổi gió mùa thu trời lạnh chẳng em?
Màu xanh khuất mà mây cũng vắng
Hiu hắt lòng ta như thiếu nắng
Như căn nhà những tháng không em

Roi trên cành chùng đã đi qua
Chen lá lục quả bàng vàng đã chín
Cỏ có dễ mềm hơn vì sương bén
Cúc bên đường nghiêng những giọt sương hoa

Mùa thu chừng biết ta xa cách
Gió nửa đêm từng lúc gọi ta hoài
Nhắc anh biết miền xa em chẳng ngủ
Nhớ những ngày chăn mỏng đắp chung đôi.

IL FAIT DÉJÀ FROID

Le vent de l'automne a-t-il changé, ma chère ?
Le vert s'efface, les nuages sont absents,
Mon cœur solitaire, comme s'il manquait de soleil,
Comme une maison pendant les mois sans toi.

Les branches de mûrier semblent passées,
Les feuilles vertes, les fruits de l'amandier sont mûrs,
L'herbe devient-elle plus tendre sous la rosée ?
Les marguerites au bord du chemin penchent sous les gouttes de fleurs.

L'automne semble savoir que nous sommes séparés,
Le vent de minuit m'appelle sans fin,
Il me rappelle que, dans tes lointains, tu ne dors pas,
Te souvenant des jours où, ensemble, nous partageons le même duvet.

IT'S ALREADY COLD

Has the autumn wind changed, my dear?
The green fades, and the clouds disappear,
My heart feels lonely, as if lacking the sun,
Like a house in the months when you are gone.

The mulberry branches seem to have passed,
The green leaves and the ripened fruits of the almond tree,
Does the grass soften more with the morning dew?
The daisies by the road lean, heavy with floral drops.

Autumn seems to know we're apart,
The midnight wind calls me endlessly,
Reminding me that, in your faraway land, you do not sleep,
Thinking of the days when we shared the same blanket.

CHIỀU

Núi mờ và núi đậm
Rừng xa chen rừng gần
Chiều trung du đến chậm
Như thư của người thân.

L'APRÈS-MIDI

Les montagnes s'estompent, les montagnes s'intensifient,
La forêt lointaine se mêle à celle proche.
L'après-midi sur les collines arrive lentement,
Comme une lettre d'un être cher.

THE AFTERNOON

The mountains fade, and the mountains grow deep,
The distant forest mingles with the one near.
The afternoon in the hills arrives slowly,
Like a letter from a loved one, dear.

MỘT ĐÊM SÀU

Trăng treo lặng đầu cành tre ủ rũ
Gió phì phào, thoi thóp thổi trong cây
Cả đời vắng đêm nay sâu ủ rũ
Tháp Điều tàn than thở suốt canh chầy

Không gian thắm phớt vàng như ngọc biếc
Đá thành mây trôi ngập dải Ngân hà
Ta vắng nghe xạc xào trên khoảng biếc
Cánh đôi nàng Chiêm nữ lướt trời mơ

Gạch Tháp đã rụng dần theo sao lạnh
Đồi cỏ xanh rừng rợn, sóng sầu lan
Ta tưởng như dưới đồi cao vắng lạnh
Muôn ma Hời nhọc mệt trở thân tàn.

UNE NUIT DE TRISTESSE

La lune pend silencieuse au bout de la branche de bambou,
Le vent souffle faiblement, haletant à travers les arbres.
Toute la colline ce soir est plongée dans la tristesse,

La tour délabrée se plaint sans fin à chaque veille.

L'espace se teinte d'un or pâle, semblable à une émeraude,
Les pierres se changent en nuages dérivant à travers la Voie lactée.
J'entends faiblement le bruissement dans l'air bleu,
Les ailes de la princesse Champa glissant dans le ciel des rêves.

Les briques de la tour tombent, emportées par les étoiles froides,
La colline d'herbe verte tremble, les vagues de la tristesse se propagent.
Je crois entendre, sous la colline haute et froide,
Les esprits fatigués du peuple Hời, fatigués et brisés, revenir.

A NIGHT OF SORROW

The moon hangs quietly at the end of the bamboo branch,
The wind sighs, gasping for breath through the trees.
The whole hill tonight is filled with sorrow,
The crumbling tower laments throughout the watch.

The space is tinged with a faint golden hue, like jade,
The stones turn into clouds drifting through the Milky Way.
I faintly hear the rustling in the blue expanse,
The wings of the Champa maiden gliding in a dreamy sky.

The tower bricks fall, scattered by the cold stars,
The green hill trembles, waves of sorrow spreading wide.
I imagine beneath the high, cold hill,
The weary spirits of the Hời people return, broken and tired.

HƯƠNG LÚA HƯƠNG RỪNG

Ngủ yên cả cánh đồng
Chỉ còn hương lúa thức
Mang lòng theo hương bay
Đến tận người đánh giặc.

Hương rừng vào trạm gác
Hương gì ? Ai biết tên
Nhớ một mùa hái gặt
Mà chiến trường ngỡ quên.

LE PARFUM DU RIZ, LE PARFUM DE LA FORÊT

Le champ entier dort en paix,
Seul le parfum du riz veille encore.
Portant son cœur, il s'élance,
Jusqu'à ceux qui combattent dans la guerre.

Le parfum de la forêt atteint le poste de garde,
Quel parfum ? Qui connaît son nom ?
Il rappelle une saison de récolte,
Dans un champ de bataille où le temps semble oublié.

THE FRAGRANCE OF RICE, THE FRAGRANCE OF THE FOREST

The whole field sleeps in peace,
Only the fragrance of rice stays awake.
Carrying its heart, it flies,
Reaching even the ones who fight the war.

The forest's scent reaches the guard post,
What fragrance is it? Who knows its name?
It recalls a season of harvest,
In a battlefield where time seems forgotten.

MƯA ĐÊM

Vì sao hè cách xa em
Trời lại đổ mưa về sáng?
Vì sao em đã đi vắng
Anh còn chịu trận mưa đêm?

PLUIE DE NUIT

Pourquoi l'été, loin de toi,
Le ciel verse-t-il la pluie à l'aube qui luit ?
Pourquoi es-tu déjà partie — sans un bruit —
Et moi, je subis encore la pluie de minuit ?

NIGHT RAIN

Why does summer, when you're far away,
Bring morning rain to break the day?
Why have you gone, leaving me unseen,
Alone beneath this midnight rain, serene?

TÓC MẸ

Tự xa ta tóc mẹ trắng ngần nào
Có ai đến thay ta mà dỗ mẹ
Hai mươi năm và ba trăm ngàn xâm lược Mỹ
Ta đâu dám nhớ nhiều, sợ tóc mẹ trắng càng mau.

LES CHEVEUX DE MAMAN

Depuis là-bas, je vois les cheveux de Maman tout blancs, si purs...
Y a-t-il quelqu'un, à ma place, pour calmer ses blessures ?
Vingt ans déjà, et trois cent mille envahisseurs américains —
Je n'osais trop penser à elle, de peur que ses cheveux blanchissent plus soudain.

MOTHER'S HAIR

From far away, I see her hair — so white, so pure...
Is there someone in my place to comfort and assure?
Twenty long years, three hundred thousand foes on our land —
I dared not think too much of her... for fear her hair would whiten faster by my hand.

THÀNH PHỐ TUỔI THƠ

Những thành phố tuổi thơ giấc giờ tạm chiếm
Nha Trang ta và Đà Nẵng của ta
Cáp Xanh Giắc càn bành đổ lá lúc thu qua
Qui Nhơn mướt dừa xanh những dãy mi dài che sóng biển

Hai mươi năm trời nhớ Huế nhớ không nguôi
Biết bao phen lòng gọi chỉ lòng ơi

Màu day dứt là cái màu hoa phượng
Một dấu son không xoá nổi bên trời
Hỡi Sài Gòn trưa thư viện hàng me
Đà Lạt chiều mây dẫn bóng ta đi
Ôi thương nhớ có lắm điều kì quặc
Cả Phan Thiết với cái mùi mắm gắt
Cũng thanh hương. Của tuổi trẻ nồng hương
Gọi lòng ta về nơi nhớ nơi thương

Chôn thương mến giờ đây quân giặc ở
Thiết giáp Mỹ càn vườn hoa tuổi nhỏ
Sân trường xưa nay dây kẽm gai rào
Lỗ chơi khăng há toác những chiến hào
Bạn cũ làm thơ hoá thành lính chiến
Quần áo rằn ri tâm hồn vằn vện
Súng quân thù chĩa bắn tuổi thơ ta
Nhìn lên cảnh, chỉ có máu ra hoa.

LES VILLES DE L'ENFANCE

Les villes de mon enfance sont à présent occupées,
Ma Nha Trang, mon Đà Nẵng volés par l'ennemi.
Cap Saint-Jacques — feuillage rougi quand l'automne fuit,
Qui Nhơn, douce aux palmiers, comme des cils ombrant la mer agitée.

Vingt ans durant, Huế me hante sans répit,
Combien de fois mon cœur n'a crié que : « Ô mon cœur ! »
La couleur du regret, c'est le rouge des flamboyants,
Tache de feu qu'aucun ciel ne peut effacer.

Ô Saïgon — midi, bibliothèque et allées de tamariniers,
Đà Lạt — les nuages du soir guident mon pas sans bruit.
La nostalgie est étrange dans ses manières —
Même Phan Thiết, avec ses relents âcres de saumure,
Deviens parfum. Celui de la jeunesse ardente,
Qui rappelle à l'âme les lieux de l'amour, les lieux de l'attente.

Ces villes chéries, les voilà sous la botte ennemie —
Blindés américains saccagent les jardins de notre enfance,
La cour d'école est ceinte de fils barbelés,
Le terrain de jeu déchiré par les tranchées béantes.

Les amis d'autrefois, poètes devenus soldats,
Portent l'uniforme tacheté, les âmes rayées de guerre.
Les fusils ennemis visent notre jeunesse —

Et sur les branches, le sang seul éclot en fleurs amères.

CITIES OF CHILDHOOD

The cities of my youth now held by hostile hands —
My Nha Trang, my Đà Nẵng lost to foreign commands.
Cap Saint-Jacques, where almond leaves turned red in fall,
Qui Nhơn — green coconut palms like lashes tall shading the sea's call.

For twenty years, I've longed for Huế without cease,
So many times my heart has called—just my heart's release.
The color of aching is the flame of phoenix trees,
A crimson stain no sky can wash with breeze.

Oh Saigon, noon — the library, tamarind-lined street,
Đà Lạt's misty dusk guiding my quiet feet.
Longing holds such strange, enchanted grace —
Even Phan Thiết, with its pungent fish-sauce trace,
Becomes perfume. The scent of youth still burns,
Calling my heart to where memory returns.

Now these beloved places are in enemy control —
American tanks crush childhood gardens, whole.
The old schoolyard fenced with barbed despair,
Our playfield torn by trenches laid bare.

Friends who once wrote poems are soldiers in disguise,
In jungle fatigues, with war in their eyes.
The foe's gun barrels aimed at childhood's core —
And on the branches, blood blooms into war.

TRĂNG

Giữa hai cây, lại đôi mắt em nhìn
Anh đến suối, mặt em cười dưới suối
Lòng anh chạy cho lòng em theo đuổi
Đêm ái tình đâu cũng mặt trăng em.

LUNE

Entre deux arbres, encore tes yeux me regardent.
Je vais vers la source — ton visage y sourit dans l'eau.

Mon cœur s'élance, le tien le suit sans repos,
Et dans la nuit d'amour, partout, c'est ta lune qui m'accompagne.

MOON

Between two trees—again, your eyes appear.
I reach the stream—your smile shines in its mirror.
My heart runs on, and yours gives chase so near.
In the night of love, your moon is everywhere.

CHỌN MỘT ĐỀ TÀI

Thấy vạn sông hồ, thấy vạn trời mây
Rồi lui về chạm một cánh chim trên gác nhỏ
Đây là cái trọng điểm giữa đất trời mà anh chốt giữ
Chớ làm sao anh bao quát vạn đề tài.

CHOISIR UN SUJET

J'ai vu mille rivières, mille cieux nuageux,
Puis je suis revenu toucher l'aile d'un oiseau sur ma lucarne silencieuse.
C'est là le point crucial que je garde entre ciel et terre —
Comment pourrais-je embrasser mille sujets à la fois ?

CHOOSE A THEME

I've seen a thousand rivers, a thousand cloud-filled skies,
Then returned to touch a single wing on my quiet balcony.
That is the heart I guard between earth and heaven —
How could I ever embrace a thousand themes?

CÂU HỎI

Jean Fonda: Tôi hỏi các bạn.
Tôi sẽ còn tiếp tục hỏi.
Tôi hỏi với tư cách là người Mỹ.
Hỏi vì tôi khóc hàng đêm
Hỏi vì sao lại là như vậy?...

Câm ơn cuộc đời đã có những Jean Fonda
Sinh ra trái tim biết hỏi.
Khi lòng yêu đến đâu thì thành trí tuệ tuyệt vời
Bất thế giới tự hỏi mình và giải đáp.
Giọt nước mắt của chị nặng hơn bao kẻ
Đi qua sự vật, nhớn nhọc cười.

LA QUESTION

Jane Fonda : *Je vous interroge.*
Je continuerai à interroger.
Je parle en tant qu'Américaine.
Je demande, car je pleure chaque nuit.
Je demande : pourquoi est-ce ainsi ?...

Merci à la vie d'avoir donné des Jane Fonda,
Nées avec un cœur qui sait poser des questions.
Quand l'amour atteint une telle profondeur, il devient sagesse,
Et force le monde à se questionner, à trouver réponse.

Une larme de ta part, plus lourde que tant d'êtres
Passant à côté des choses —
En ricanant.

THE QUESTION

Jane Fonda: "I ask you.
And I will go on asking.
I speak as an American.
I ask because I weep each night.
I ask — why must it be this way?..."

Thank life for giving us the Jane Fondas,
Born with hearts that dare to ask.
When love grows deep enough, it turns to wisdom —
And makes the world question itself, seek its own answer.

One tear from her weighs more than all the crowds
That drift through life,
Smiling idly,
Unaware.

ẢO TƯỢNG

Anh dựng những câu thơ cầu vồng ngũ sắc
Ra khỏi đó, người ta rơi tõm vào đồng rác
Anh dựng những câu thơ hoa quỳnh, hoa huệ đầm hương
Ra khỏi đó, chạm phải điều thối hoắc
Của những điều chó chết bên đường
Tôi thêm những câu thơ lạnh lẽo của Bắc Băng Dương hay Nam Cực
Rét buốt
Trắng muốt
Rơi ra ngoài mà tiềm ẩn những gì không ai hiểu hết
Tâm hồn hiểu nó phải lên điếm cực
Đứng trước nó như trước tôn giáo thiêng liêng.

ILLUSION

Tu bâtis des vers comme arcs-en-ciel éclatants,
Mais au sortir — on chute dans des tas dégoûtants.
Tu fais fleurir des poèmes, orchidées, lys enivrés,
Mais à l'extérieur — une puanteur violée
Des choses mortes, pourries, au bord des fossés.

Je rêve de vers glacés comme ceux de l'Arctique,
Ou de l'Antarctique,
Tranchants de froid,
D'une blancheur sans faille,
Qui tombent — et cachent mille secrets sans voix.

Des poèmes qu'il faut gravir aux pôles de l'âme,
Se tenir devant eux comme face à une flamme,
Une religion muette, brûlante et sacrée.

ILLUSION

You built your poems like rainbows in the sky —
But step outside, and into trash they die.
You shaped your verses with lilies, night-blooming flowers,
Fragrant — yet outside, the stench devours,
The stink of rot, of roadkill left to lie.

I long for poems cold as Arctic seas,
Or Antarctic ice —
Sharp with freeze,
Pure as white silence falling without sound,

Concealing truths no soul has ever found.

To grasp them, the spirit must journey far,
To soul's own pole, beneath a sacred star —
To stand before them as before a shrine,
Silent, burning, holy, and divine.

CHỜ NGÀY SUM HỌP

Cõi trần gian đã lâu ta rời bỏ
Tình duyên xưa đành chịu dở dang thôi
Em còn đến tìm chi bên nắm mộ
Mà ưu tư những để lệ tràn rơi?

Em về đi! Thân anh đã tan nát
Hồn người dương khôn lẫn với người âm
Có ai tìm trong trời khuya bát ngát
Một vì sao rơi rụng tự muôn năm?

Đừng khóc nữa! Lệ em rồi thức dậy
Trong lòng anh, em hỡi, chút duyên tàn
Bao hình ảnh địa cầu tắm tối ấy
Chỉ gây thêm giá lạnh mảnh hồn ta

Em yêu anh? Anh xin em gắng đợi
Cho đến ngày em bỏ kiếp trần đời
Trong mộ này đôi hồn ta ôn lại
Chút tình xưa, quên lãng cảnh sầu bi

Một mai kia ở cuối dãy luân hồi
Nắng sẽ xuống trên lòng hoa phấp phới
Xuân sẽ về nở chín cả đôi môi.

EN ATTENDANT LE JOUR DES RETROUVAILLES

Depuis longtemps j'ai quitté ce monde éphémère,
L'amour d'antan s'est brisé sans lumière.
Pourquoi viens-tu pleurer sur ma tombe glacée,
Laisser les larmes couler sans apaiser ?

Rentre chez toi ! Mon corps n'est plus que cendre,
Les âmes d'ici s'enlacent aux âmes d'ombre.
Qui donc cherche, sous le ciel vaste et profond,

Une étoile tombée depuis mille saisons ?

Ne pleure plus ! Car tes pleurs me réveillent
Et font saigner en moi l'écho des merveilles.
Ces images sombres de la terre oubliée
Ne font que refroidir l'âme déjà figée.

Tu m'aimes ? Alors, je t'en prie, patiente —
Jusqu'au jour où ton âme aussi s'absente.
Dans cette tombe, nos deux esprits, unis,
Rediront l'amour, loin de tout souci.

Un jour, peut-être, au bout de l'existence,
Le soleil baignera les fleurs en silence,
Et le printemps viendra, doux et vermeil,
Fleurir nos lèvres d'un éternel soleil.

AWAITING THE DAY OF REUNION

I left this earthly world so long ago,
Our love cut short, unfinished in its glow.
Why do you seek me here, where silence lies,
And weep such tears beneath the weeping skies?

Go home, my dear — my body is no more,
The living soul now mingles with the lore
Of spirits wandering where no light is cast,
Like stars that fell from heavens ages past.

Don't cry again — your tears will wake my soul,
And stir faint echoes I no longer hold.
The shadowed scenes of earth you bring to me
Just chill the ghost that longs to be set free.

You love me still? Then wait — oh, wait, my dear,
Until you leave this fleeting mortal sphere.
Here in this grave, our souls shall intertwine,
Recall lost love, and leave all grief behind.

One day, when this long cycle finds its close,
The sun will shine where trembling petals grow.
And spring will bloom — soft, crimson, and complete —
To kiss our lips where love and sunlight meet.

NQ'

Nhà thơ, anh dành dụm từng xu nhỏ, đồng kẽm, đồng chì...
Mà phải trả các món nợ, bán đời đi để trả
Vết cả tâm hồn, dốc cả hai túi áo ra không đủ
Không phải anh nợ, mà nhân loại nợ, người đọc nợ
Anh trả cho anh là trả giúp họ rồi.
Nợ xương máu, áo cơm, một ngậm nước khát lòng,
Một hạt muối đêm công đồn, cái hôn khi ra trận,
Cho đến nợ một ngọn gió heo may rải đồng,
Một mặt nước bờ ao Thái Bình cũng nợ,
Một mùi hương của xứ không hương...
Trả, anh là anh.
Không trả, anh có tội với mười phương, tám hướng.
Anh moi bộ óc không phải bằng vàng ra để trả.
Thế mà có nhiều nhà thơ đã không trả còn vay, còn ăn quỵt,
Họ có mười mà tên tuổi đến mười mười.

LA DETTE

Poète, tu épargnes sou par sou — cuivre, plomb,
Pour rembourser des dettes, jusqu'à vendre ta vie.
Tu racles ton âme, tu vides tes deux poches — et ce n'est pas assez.
Ce n'est pas toi qui dois, mais l'humanité,
Les lecteurs sont les débiteurs —
Te rembourser, c'est les soulager.

Dettes de sang et d'os, de pain, de soif ardente,
D'un grain de sel dans la nuit d'assaut,
D'un baiser avant le départ au front,
Même la brise fraîche soufflant sur les champs te doit,
Même l'eau calme au bord d'un étang de Thái Bình,
Même un parfum né d'un pays sans odeur...

Rembourser, c'est être homme.
Ne pas le faire, c'est trahir les dix directions, les huit vents.
Tu offres ton cerveau — pas d'or, mais de chair — pour payer.
Mais tant de poètes n'ont pas payé. Ils empruntent, ils trompent —
Ils ont peu, mais leur nom sonne cent fois plus fort qu'eux.

THE DEBT

Poet, you save each penny — copper, lead —
To pay the debts, you trade your life instead.

You scrape your soul, turn both your pockets bare —
Still not enough.
It's not your debt — but theirs,
The readers 'weight you quietly bear.
To pay yourself is to repay them all.

The debt of blood and bone, of bread and thirst,
A grain of salt on nights of storm and burst,
A kiss before the charge, the final call —
Even the breeze that sweeps the harvest field
Still owes you,
Even the pond in distant Thái Bình's yield,
Even a scent from lands that carry none...

To pay is to be true.
To turn away is sin against all winds, all realms.
You offer not gold, but thought and pain, to settle.
Yet many poets take, then steal,
They owe — and rise in name
Far louder than what they truly feel.

GỘI TÓC NƠI TRỌNG ĐIỂM

Hố bom thành giếng mát
Sợi tóc dài quá lưng
Chải dần từng sợi một
Cho bỏ ngày gian truân.

SE LAVER LES CHEVEUX AU CŒUR DU COMBAT

Le cratère d'une bombe — un puits d'eau claire,
Les cheveux tombent, longs jusqu'au bas du dos.
Je les peigne, fil par fil, sans colère,
Pour rincer les jours durs et lourds de fardeaux.

WASHING MY HAIR AT THE FRONTLINE

A bomb crater turned into a cooling well,
My hair flows down, past my weary spine.
I comb it slowly, strand by strand I dwell —

To soothe the days of hardship and frontline.

XA TỔ QUỐC

Đất đổi màu hồng trời thay sắc biếc
Lòng đau từng thớ thịt đường gân
Ai đi qua biên thùy Tổ quốc
Không thấy mình đang từ giã mặt mùa xuân.

LOIN DE LA PATRIE

La terre change de teinte, le ciel prend d'autres bleus,
Le cœur se brise, nerf après nerf, fibre par fibre.
Qui franchit la frontière de la Patrie
Ne voit pas qu'il fait ses adieux au visage du printemps.

FAR FROM THE HOMELAND

The earth turns a different hue, the sky shifts its blue,
The heart aches, fiber by fiber, nerve by nerve.
Whoever crosses the border of the Homeland
Does not see they are saying farewell to the face of spring.

KÝ ỨC

Ký ức thường hoá xuôi
Nửa đêm nghe rì rầm
Đi tìm thì tuyệt lối
Nằm xuống lại vang rân.

LE SOUVENIR

Les souvenirs souvent deviennent des ruisseaux,
À minuit, on entend leur murmure,
Lorsqu'on cherche, on se trouve perdu,
Mais en se couchant, ils résonnent à nouveau.

MEMORY

Memory often turns to stream,
Murmuring softly at midnight.
Seek it—and the path is gone,
Lie down—and it echoes bright.

NGƯỜI LẠ

Không phải bạn bè anh ngày bé
Chung một lỗ chơi bị, bắt dế...
Thường là máu người không quen biết đổ cho ta
Hôm nay có người không quen hy sinh cho anh ở chỗ bến phà
Một người không quen dắt tay anh vượt bom qua cầu khỉ
Một người không quen đắp chăn lên mình anh nhè nhẹ
Sáng dậy anh giật mình thì họ đã đi xa.

L'ÉTRANGER

Ce n'étaient pas des amis d'enfance,
Avec qui je partageais un trou de jeu, attrapant des grillons...
Souvent, ce sont des sangs d'inconnus qui se versent pour moi.
Aujourd'hui, quelqu'un que je ne connais pas s'est sacrifié pour moi près du ferry,
Un inconnu m'a pris par la main pour me faire traverser un pont de singe sous les bombes,
Un autre inconnu m'a doucement couvert d'une couverture,
Le matin, je me suis réveillé, pris de panique, et ils étaient déjà partis.

THE STRANGER

They were not friends from my childhood,
The ones I shared a hole in the ground with, catching crickets...
Often, it is the blood of strangers spilled for me.
Today, a stranger sacrificed for me by the ferry,
A stranger took my hand, leading me across a rickety bridge under the bombs,
Another stranger gently covered me with a blanket,
When I woke in the morning, startled, they had already gone.

ĐÊM XUÂN SẦU

Trời xuân vắng. Cỏ cây rên xào xạc
Bóng đêm luôn hoảng hốt mãi không thôi
Gió xuân lạnh, ngàn sâu thôi ca hát
Trăng xuân sầu, sao héo, cũng thôi cười

Trên đồi lạnh, tháp Chàm sao ủ rũ
Hay hận xưa muôn thuở vẫn chưa nguôi?
Hay lãnh đạm, Hời không về tháp cũ
Hay xuân sang. Chiêm nữ chẳng vui cười?

Bên tháp vắng, còn người thi si hỡi
Sao không lên tiếng hát đi, người ơi?
Mà buồn bã, âu sầu trong đêm tối
Người vẫn nằm há miệng đón sao rơi?

LA NUIT TRISTE DE PRINTEMPS

Le ciel du printemps est silencieux. L'herbe et les arbres frémissent,
L'ombre de la nuit, toujours effrayée, ne cesse de fuir.
Le vent de printemps froid, les mille insectes n'osent plus chanter,
La lune de printemps, triste, les étoiles fanées, ne sourient plus.

Sur la colline froide, la tour Cham semble abattue,
Serait-ce la rancœur d'autrefois qui ne s'éteint jamais ?
Ou bien la froideur, le souffle qui ne revient pas à l'ancienne tour ?
Ou encore le printemps arrivé, mais la prêtresse ne rit pas ?

Près de la tour déserte, poète, ô toi qui vois,
Pourquoi ne chantes-tu pas, pourquoi ne cries-tu pas ?
Pourquoi la tristesse, l'amertume dans la nuit noire,
Tandis que tu gites, la bouche ouverte, à attraper les étoiles tombées ?

THE SAD SPRING NIGHT

The spring sky is silent. The grass and trees whisper,
The shadows of night, always frightened, never cease to flee.
The cold spring wind, a thousand insects no longer sing,
The spring moon is sorrowful, the stars wither, no longer smile.

On the cold hill, the Cham tower stands forlorn,
Is it the ancient grudge that never fades away?
Or the indifference, the breath that never returns to the old tower?
Or is it spring that has come, but the priestess no longer smiles?

By the lonely tower, poet, oh you who see,
Why do you not sing, why do you not speak?
Why the sorrow, the melancholy in the dark night,
As you lie there, mouth open, catching falling stars?

CHO EM

Anh cho em được những gì?
Cho em vầng trăng non sau cành tre ấy
Cho mùi hương lúa đêm khuya
Cho dòng sông nước chảy...
Những cái ấy anh không cho thì em không thấy
Em yêu nhiều hơn dòng sông nước chảy khi mà anh cho.

POUR TOI

Que puis-je te donner ?
Un croissant de lune derrière cette branche de bambou,
Le parfum du riz dans la nuit noire,
Le cours du fleuve, l'eau qui file...
Ces choses, si je ne les donne pas, tu ne les verras pas.
Mais tu aimeras plus encore le fleuve qui s'écoule,
Quand je te les offre.

FOR YOU

What can I give you?
A crescent moon behind that bamboo branch,
The scent of rice in the late-night air,
The river's flow, water drifting by...
If I don't give these, you won't see them.
But you will love the river more,
When I offer them to you.

GIỌNG TRẦM

Giọng cao bao nhiêu năm, giờ anh hát giọng trầm,
Tiếng hát lẫn với im lìm của đất

Vườn lặng yên mà thơm mùi mít mật
Còn hơn anh rồ giọng hát vang ngân.

VOIX BASSE

Autrefois ta voix s'élevait, aujourd'hui elle s'éteint,
Mêlée au silence de la terre qui s'étend.
Le jardin est paisible, rempli du parfum doux
De la jacinthe, plus doux que ton chant qui fut.

LOW VOICE

Once your voice soared, now it sinks low,
Blending with the earth's quiet, gentle flow.
The garden is still, fragrant with the scent
Of ripe jackfruit, more serene than your voice's descent.

ĐÁM MA

Dưới hàng tre cao gieo làn bóng mảnh
Ánh đuốc mờ nhợt nhạt lạnh lùng soi
Chiếc hòm con êm đi trong sương lạnh
Người mẹ già nức nở lên đôi hồi

Ta lặng lẽ nhìn muôn sao tự hỏi
- Mảnh hồn ta tiêu diệt tự bao giờ?
Mà trong chiếc hòm con kia u tối
Có phải chẳng thi thể của người ta?
Văng vẳng nghe trong không giới bao la
Một vì sao êm gieo lời đáp lại!

FUNÉRAILLES

Sous les grands bambous aux ombres effilées,
La torche pâle éclaire une nuit glacée.
Le petit cercueil glisse au cœur du brouillard,
La mère âgée sanglote par instants, hagarde.

Silencieux, je regarde les astres lointains,
Et je me demande : depuis quel matin
Mon âme s'est-elle perdue, éteinte, éparse ?

Dans ce cercueil obscur, ce corps qu'on enlace —
Serait-ce moi, couché là, sans émoi ?
Un astre doux murmure : « C'est bien toi... »

FUNERAL

Beneath the tall bamboo casting slender shade,
The pale torch flickers, cold and faintly laid.
The small coffin glides through the chilling mist,
The old mother sobs, her breath a quiet twist.

Silent, I gaze at the distant stars above,
Wondering — when did my soul lose its love?
In that dark coffin, what body does it bear?
Could it be mine, lying lifeless there?
A soft star whispers through the vast, cold night,
“Yes, it is you, resting without light.”

CHUNG SỐ PHẬN

Yêu những người cùng chạy bom ngoài chợ, xong cùng ta chung một cốc bia hơi,
Chung số phận cùng ta trong cái được thua vĩ đại
Có thể dành chỗ nhau trong cuộc xếp hàng mua thịt, muối...
Nhưng cùng reo khi tên lửa hạ B.52 cháy đỏ ngang trời.

DESTIN PARTAGÉ

J'aime ceux qui couraient les bombes avec moi au marché,
Puis buvaient à mes côtés un verre de bière légère.
Compagnons de sort dans ce grand jeu de gagné-perdu,
Cédant leur place dans la file pour un peu de viande, un peu de sel...
Mais tous, d'une seule voix, criaient de joie
Quand un B-52 s'embrasait en traversant le ciel.

SHARED FATE

I love those who ran from bombs with me through the market,
Then shared with me a glass of humble draft beer.
Comrades in the great gamble of loss and gain,

Giving up their place in line for meat, or salt...
But all of us cheered with one burning cry
When a B-52 burst into flames across the sky.

SA MẠC

Anh không là Ai Cập
Tại sao anh không xây nổi Kim tự tháp, mà bắt anh phải chịu nỗi buồn sa mạc?
Anh có xây lên, nó cũng đổ xuống mà!
Trên không đã một trời sao để nó chiêm tinh suốt sáng
Và trong lòng của nó ư, chỉ có gió lùa.

DÉSERT

Tu n'es pas l'Égypte, je le sais bien —
Alors pourquoi faut-il que tu portes ce chagrin
Du désert, sans bâtir une seule pyramide ?
Même si tu la bâtissais, elle s'écroulerait, vide !
Le ciel déjà, plein d'étoiles pour ses nuits divines,
Et en son cœur ? — rien qu'un souffle de vent qui chemine...

DESERT

You are not Egypt — that much is true,
So why must you bear this desert's blue?
You cannot raise a single pyramid,
And if you did, it too would slip and slid.
Above — the stars already chart its fate,
And in its heart? Just wind, desolate.

ĐỌC SÁCH

Ta nằm đọc sách trong vườn chuối
Chim khách trên nhành hót líu lo
Gió bay nhộn nhịp không ra lối
Hoa tàn luống cuống chẳng nên thơ

Trời xanh ới hỡi! xanh khôn nói
Hồn tôi muốn hiểu chẳng cùng cho!
Có cánh chim gì bay chơi với
Chết rồi! Nó lạc giữa Hư Vô!

Kìa kìa nắng nở hoa muôn sắc
Trên những tàu tiêu rợn ý trình
Kìa kìa, nắng bọc muôn hình xác
Những nét thơ tràn cổ sách xinh.

LECTURE

Allongé, je lis sous les bananiers,
Les pies jacassent, joyeuses sur les haies,
Le vent s'agite, déborde en allées folles,
Les fleurs fanées cherchent encore leurs vers...

Ô ciel si bleu ! Bleu sans confidence,
Mon âme veut saisir — rien ne commence...
Quel oiseau plane là, perdu, confus ?
Il est mort ! Errant dans le Néant diffus...

Regarde ! Le soleil fait fleurir les couleurs
Sur les tiges des plantes, frisson d'ardeur,
Regarde ! Il embrasse formes et contours,
Et les vieux livres débordent de beaux jours.

READING

I lie and read beneath banana leaves,
Magpies above are chirping in the trees.
The wind stirs wildly, rushing without way,
Wilted flowers stumble, lost in their display.

O sky so blue! So blue yet ever still,
My soul would grasp you — but lacks the will!
What bird is that, now fluttering, astray?
It's gone! It vanished into the Void today.

Look there — the sun bursts into hues that gleam
On plantain stems, pure as a virgin's dream.
Look there — it wraps all shapes in golden light,
And poetry flows from old books, burning bright.

THỂ KỶ

Những thế kỷ đông người mà nhân loại vắng tanh
Uổng công con công thơ xoè cái đuôi ngôn ngữ của mình
Sao bằng khi nhân loại còn ở hang tiền sử
Chưa có thơ gì nhưng giọt lệ đã long lanh.

LES SIÈCLES

Des siècles peuplés, mais l'humanité absente,
Le paon de la poésie déploie sa queue de mots en vain.
Comment comparer cela à l'époque où l'humanité vivait dans la grotte
préhistorique,
Où il n'y avait pas encore de poésie, mais où les larmes brillaient déjà.

THE CENTURIES

Centuries filled with people, yet humanity is absent,
The peacock of poetry spreads its tail of words in vain.
How can this compare to when humanity lived in prehistoric caves,
Where there was no poetry, but tears already shone.

GIẬT MÌNH

Giật mình một bóng trắng ngang cửa
Mới nhớ rằng em ở nơi xa
Những đêm trắng bay ngang đời như thế
Những đêm vàng ta bỏ phí bay qua.

SURPRISE

Un éclair de lune passe à travers la porte,
Je me souviens alors que tu es loin.
Les nuits de lune traversent ainsi nos vies,
Des nuits dorées que nous laissons filer en vain.

STARTLED

A flash of moonlight passes through the door,
I suddenly remember that you are far away.
Nights of the moon fly across life like this,
Golden nights we let slip by in vain.

GIẾNG

Hằng ngày anh khoét sâu vào hang, vào giếng thăm lòng mình
Xem cái vết thương nội tâm kia là tài sản
Đi đâu, làm cũng lắng nghe tiếng vang từ giếng, từ hang động ấy
Cái nỗi đau riêng anh muốn chẳng lành
Anh ăn lấy sự bất lực của mình làm sức lực
Định làm giàu cho cuộc đời bằng cái vốn hư không...

LE PUIT

Chaque jour, je creuse profondément dans la grotte, dans le puits du fond de mon âme,
Considérant cette blessure intérieure comme un trésor.
Où que j'aille, quoi que je fasse, j'écoute le bruit de l'écho venant du puits, du gouffre.
Cette douleur qui m'est propre, je ne veux pas qu'elle guérisse.
Je mange mon impuissance, la transformant en ma force.
Je tente d'enrichir ma vie avec ce capital illusoire...

THE WELL

Every day, I dig deep into the cave, into the well of my soul,
Seeing that inner wound as my treasure.
Wherever I go, whatever I do, I listen to the echo from that well, from that cavern.
The pain that is mine, I do not want it to heal.
I consume my own helplessness, turning it into strength.
I try to enrich my life with this empty capital...

TRỜI ĐẸP

Trời đẹp quá! Không là tôn giáo mà anh chấp tay anh lại,
Nhắm mắt anh cho khỏi chói con người vì sắc đẹp của đời.
Mùa thu ơi! Mùa thu khôn thể với
Cả sắc trời như viên ngọc sắp buông rơi.

LE CIEL BEAU

Le ciel est tellement beau ! Ce n'est pas la religion, mais je joins mes mains,
Je ferme les yeux pour ne pas être ébloui par la beauté de la vie.
Automne, oh ! Automne, tu es insaisissable,
Le ciel tout entier ressemble à une perle prête à tomber.

THE BEAUTIFUL SKY

The sky is so beautiful! It's not religion, but I join my hands,
I close my eyes to shield them from the dazzling beauty of life.
Autumn, oh! Autumn, you are beyond reach,
The sky itself like a gem ready to fall.

HẠT GẠO

Người tù tử hình kia, tình cờ trong túi còn hạt gạo
Biến thành con voi dâng cho vua
Vua tha cho người có tội mà đa tài ấy
Ồ, anh không biết biến đời anh thành tác phẩm dành cho đời
Nên đời chẳng biết lấy cớ gì để tha cho anh cả.

LE GRAIN DE RIZ

Le condamné à mort, par hasard, trouva un grain de riz
Qui se transforma en un éléphant offert au roi.
Le roi pardonna cet homme coupable mais talentueux.
Ah, tu ne sais pas transformer ta vie en œuvre pour le monde,
Ainsi, le monde ne trouve aucune excuse pour te pardonner.

THE GRAIN OF RICE

The condemned man, by chance, had a grain of rice,
Which turned into an elephant, offered to the king.

The king pardoned the guilty man, so talented.
Ah, you do not know how to turn your life into a work for the world,
So the world has no reason to pardon you.

NHIỆM VỤ

Chúng ta ở trên đời không phải để ra lộc ra hoa mà còn để mang thương tích
Cũng không phải chỉ nỗi đau cao sang mà là hủi cùi ghẻ lở đục hình hài
Nhưng đã là người thì phải cày cuốc, đan thêu, thả lưới, trồng cây, gieo hạt...
Dẫu là vì vua què thì cứ phải lên ngôi
Vẫn phải đúc niên hiệu anh vào tiền, ghi năm anh trị vì vào lịch
Chớ vì què mà khập khiễng lên ngai
Ở đời nếu không hài thì cũng phải chơi bi kịch
Màn mở, trống rung rồi, anh phải đội mũ, mang hia lên
Mang sổ phận vào người.

MISSION

Nous ne sommes pas venus en ce monde
pour simplement fleurir ou fructifier,
mais aussi pour porter blessures et cicatrices.
Non pas seulement des douleurs nobles et pures,
mais la lèpre, la gale, les plaies qui défigurent la chair.
Mais être humain, c'est labourer la terre,
tisser, broder, jeter les filets, planter, semer...
Même si c'est pour un roi boiteux,
il faut bien qu'il monte sur le trône.
Il faut bien graver ton nom sur les monnaies,
inscrire ton règne dans le calendrier.
Ne boite pas vers le trône sous prétexte que tu boîtes.
Dans cette vie, si l'on ne sait faire comédie,
il faut bien jouer la tragédie.
Le rideau se lève, les tambours résonnent —
tu dois coiffer la couronne, chausser les bottes.
Tu dois porter ton destin.

DUTY

We are not in this world
merely to bloom or bear fruit —
but also to carry wounds and scars.
Not just noble and lofty pain,

but leprosy, sores, the rot that disfigures the flesh.
Yet to be human is to till the soil,
to weave, to embroider, to cast nets,
to plant trees, to sow seeds.
Even if it's for a limping king,
he must still ascend the throne.
Your name must still be stamped on the coin,
your reign marked upon the calendar.
Do not limp to the throne just because you limp.
In this life, if not comedy,
then you must play tragedy.
The curtain rises, the drums have sounded —
you must wear the crown, don the boots.
You must carry your fate.

TỪ ĐÂU

Buổi chiều đó nằm dài trên nước thăm
Gió vô tình lay động nắng mong manh
Dòng sông Tuyên như suối ngọc long lanh
Chầm chậm cuốn những mảnh trời lơ biếc
Trên đồi cao lặng trong màu nắng huyết
Tháp điêu tàn mong đợi bóng đêm lan
Ta nằm dài trên cỏ áy mênh mang
Đợi những kẻ ở chân trời mù mịt...

Mặt trời đã lặn trên sườn núi thăm
Từ không trung rơi xuống cõi trần gian
Một đêm mờ. Bóng tối nhẹ nhàng lan
Ban lặng lẽ linh hồn cho muôn vật
Giã địa cầu, bao nhiêu người đã khuất
Chôn non sông trong một giấc mơ dài
Ta lặng ngời lắng tiếng thở muôn loài

Ngắm hiện tại tan dần ra dĩ vãng
Như ánh chiều tan dần trong bóng thăm
Lòng âu sầu nhớ tiếc cảnh xa xôi
Lòng hỏi lòng: Ta rơi xuống cõi đời
Từ cầu nào? Từ thời nào trong vũ trụ?
Để làm gì? Nếu không là than thở
Những nước non dân tộc đã tan rồi...

D'OU VIENS-JE

Ce soir-là s'étendait sur l'eau profonde,
Le vent distrait frôlait la lumière blonde,
La Tuyên coulait, limpide et scintillante,
Portant des cieux des morceaux d'azur tendre.
Sur la colline, noyée de sang solaire,
Une tour en ruine attendait la nuit claire.
Je m'allongeais sur l'herbe vaste et verte,
Guettant des pas venus d'horizons inertes...

Le soleil roulait sur les flancs de l'abîme,
Depuis le ciel tombait sur l'homme un crime :
Une nuit pâle, l'ombre douce descendait,
Douant les choses d'une âme en secret.
Adieu la Terre — tant d'êtres ont péri,
Enterrant leur pays dans un rêve enfoui.
Je restais là, à l'écoute du soupir
De chaque vie, dans ce silence à venir...

Contemplant l'instant se fondre au souvenir
Comme le jour s'efface dans le noir,
Le cœur chagrin, regrettant des contrées,
Le cœur interrogeait, perdu, désespéré :
De quel pont suis-je tombé dans ce monde ?
De quel temps, de quelle étoile vagabonde ?
Pourquoi, sinon pour gémir, pour pleurer
Un peuple, une patrie déjà balayés...

WHERE FROM

That afternoon lay stretched on waters deep,
The wind, unwitting, stirred the light so thin.
The Tuyên flowed like jade in twilight sleep,
Gently bearing sky shards blue within.
Upon the hill, blood-colored sunlight cast,
A ruined tower waited night to pass.
I lay on endless grass, so wide, so still,
Waiting for souls beyond the farthest hill...

The sun had rolled behind the darkened crest,
And from the sky fell softly to the West.
A shadowed night began to slowly fall,
And gifted every form a soul, a call.
Farewell, O Earth — how many now have gone,
Entombed their land in dreams that linger on.

I sat in silence, hearing all life's breath,
The whispers of the world, the hush of death...

I watched the present fade to memory,
Like dying light dissolving silently.
My heart grew heavy, mourning lands once dear,
And asked itself, in sorrow and in fear:
From what bridge did I fall into this place?
From what time, what realm of endless space?
And why, if not to mourn and to bewail
A shattered homeland lost beyond the veil?

ĐÊM TÀN

Ta cùng Nàng nhìn nhau không tiếng nói
Sợ lời than lay đổ cả đêm sâu
Đôi hơi thở tìm nhau trong bóng tối
Đôi linh hồn chìm đắm bể U Sầu

“- Chiêm nương ời, cười lên đi, em hỡi!
Cho lòng anh quên một phút buồn lo!
Nhìn chi em chân trời xa vời vợi
Nhớ chi em sâu hận nước Chàm [ta](#)?

Này, em trông một vì sao đang rụng
Hãy nghiêng mình mà tránh đi, nghe em!
Chắc có lẽ linh hồn ta lay động
Khi vội vàng trở lại nước non Chiêm”

Lời chưa dứt, bóng đêm đà vụt biến!
Tình chưa nồng, đã sắp phải phôi pha!
Trên trần gian vàng ô kia đã đến
Gỡ hồn Nàng ra khỏi mảnh hồn ta!

FIN DE NUIT

Nous nous regardions, sans un mot soufflé,
De peur qu'un soupir ne brise la nuit pleine,
Deux souffles errants, dans l'ombre mêlés,
Deux âmes noyées dans l'abîme de peine.

— *Chiêm nương*, souris-moi, douce bien-aimée !

Pour qu'un instant mon cœur l'angoisse oublie...
Pourquoi fixer cet horizon voilé ?
Pourquoi pleurer le destin du pays Chiêm si gris ?

Regarde, là, une étoile qui glisse,
Penche-toi donc, évite son éclat !
Peut-être que l'âme en moi frémissse
À l'appel pressé des terres du Champa...

Mais la nuit s'enfuit avant la dernière phrase !
L'amour à peine né déjà s'éloignera...
Le soleil là-bas s'élève, plein d'audace,
Et d'elle détache l'âme, loin de moi...

END OF NIGHT

We sat in silence, eyes in quiet gaze,
Fearing a sigh might shatter the deep night.
Our breath sought each other through the haze,
Two souls adrift in sorrow's endless flight.

— *My Cham love*, smile—just once, I pray,
To let my heart forget its grief and dread.
Why do you look to skies so far away?
Why mourn the fate our ancient kingdom bled?

Look, my dear, a falling star draws near —
Bow your head low, let it not touch your soul!
Perhaps it's our spirits trembling in fear,
Rushed to return to old Champa's lost whole...

But ere the words had left my aching chest,
The night was gone, dissolved in dawn's first breath.
Our love, still warm, undone before its rest —
The sun rose up... and tore her soul from death.

CẦU NGUYỆN

Hỡi em ban mai
Trời trong tinh khiết
Gió chưa có lời
Mây chưa có vết
Anh là đêm bão
Chờ mong em về

Cho cơn bão chết
Cho lòng nguôi đi.
Em là ban mai
Hàng cây không lời
Bầy chim thiêm thiếp
Lòng người tỉnh khô.

PRIÈRE

Ô toi, l'aurore,
Ciel pur, sans murmure,
Le vent n'a point d'accord,
Les nuées sans rature.
Je suis la nuit d'orage,
Espérant ton retour,
Que meure le ravage,
Et s'apaise l'amour.
Tu es l'aube claire,
Les arbres sans voix,
Les oiseaux en prière,
L'âme vierge d'émoi.

PRAYER

O you, the morning light,
The sky so pure and clear,
The wind has yet no voice,
The clouds no trace appear.
I am the stormy night,
Longing for your face,
To let the tempest die,
And grant my heart its peace.
You are the dawn so still,
The trees in silent grace,
The birds in gentle sleep,
A soul in stainless place.

XÓM CŨ

Xóm cũ, em đi, anh chẳng lại
Nơi yêu, ai dám đến hai lần

Công tác nay về nơi xóm cũ
Không em, nhưng đã có tình dân...

LE VIEUX HAMEAU

Tu es partie, je n'y suis plus revenu,
Là où l'on aime, nul ne vient deux fois.
Aujourd'hui, ma mission m'y a retenu,
Sans toi... mais l'amour du peuple y vibre, sourd et droit.

THE OLD HAMLET

You left — I never did return again,
To where love bloomed, none dares to tread twice.
Today my work has brought me back — in vain,
No you... but the people's love feels just as nice.

Thơ CHẾ LAN VIÊN

Bản dịch tiếng Pháp và tiếng Anh: THÂN TRỌNG SƠN

Tháng 5 / 2025